

Số: **20**/2011/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày **31** tháng 3 năm 2011

THÔNG TƯ

Quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Hành khách: là người được chuyên chở trên các phương tiện vận tải hành khách đường thủy nội địa và có mua vé hành khách, trừ thuyền viên, người lái phương tiện và trẻ em được miễn vé đi cùng hành khách.

Chương II

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 3. Nghĩa vụ của người kinh doanh vận tải hành khách

Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Giao thông đường thủy nội địa, người kinh doanh vận tải còn phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

1. Để đầy đủ trang thiết bị cứu sinh, cứu hoả tại những nơi dễ thấy, dễ lấy trên phương tiện.

2. Thông báo tại các cảng, bến đón trả hành khách trước 03 ngày khi có sự thay đổi biểu đồ vận hành hoặc lịch chạy của phương tiện; trước 12 giờ khi có thay đổi thời gian xuất bến (trừ vận tải hành khách ngang sông).

3. Trong thời gian ít nhất là 10 phút trước khi phương tiện tới cảng, bến đón trả hành khách, thuyền trưởng phải thông báo cho hành khách tên cảng, bến, thời gian phương tiện lưu lại và các thông tin cần thiết khác (trừ vận tải hành khách ngang sông).

4. Niêm yết nội quy phương tiện (áp dụng cho hành khách), bản hướng dẫn sử dụng trang thiết bị cứu sinh, cứu hoả tại những nơi dễ thấy trên phương tiện; đối với phương tiện vận tải không thể niêm yết trên phương tiện được thì phải niêm yết tại cảng, bến đón trả hành khách.

5. Phục vụ hành khách văn minh, lịch sự.

6. Báo cáo cơ quan thẩm quyền đã chấp thuận hoạt động vận tải hành khách trên tuyến cố định trước ít nhất 05 ngày khi ngừng hoạt động trên tuyến.

Điều 4. Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới

1. Đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đăng ký vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định không qua biên giới.

a) Tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Chi cục đường thủy nội địa khu vực.

Hồ sơ gồm: bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa tuyến cố định theo quy định tại Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này; ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến thủy nội địa thống nhất cho phương tiện vào đón, trả hành khách; ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải liên quan nơi có bến đón trả hành khách; các bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa, Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa còn giá trị sử dụng và phù hợp với cấp tuyến đường hoạt động.

b) Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Chi cục đường thủy nội địa khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài vận tải hành khách đường thủy theo tuyến cố định. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

2. Đối với tổ chức, cá nhân đăng ký vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới.

a) Tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Chi cục đường thủy nội địa khu vực.

Hồ sơ gồm: các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; văn bản chấp thuận của cơ quan thẩm quyền của quốc gia mà tổ chức, cá nhân đăng ký vận tải qua biên giới chọn làm điểm đến tại nước ngoài.

b) Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Chi cục đường thủy nội địa khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

c) Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận được văn bản trình của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới. Trường hợp không chấp thuận thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 5. Thủ tục chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định (trừ các trường hợp tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới)

Tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải nơi tổ chức đóng trụ sở chính hoặc cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú. Hồ sơ gồm:

1. Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa tuyến cố định theo quy định tại Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến thủy nội địa thống nhất cho phương tiện vào đón, trả hành khách.

3. Ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải liên quan nơi có bến đón trả hành khách.

4. Các bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu), bao gồm:

a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa;

b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa còn giá trị sử dụng và phù hợp với cấp tuyến đường hoạt động.

5. Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, Sở Giao thông vận tải liên quan xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách đường thủy theo tuyến cố định. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 6. Vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến

1. Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 78 Luật Giao thông đường thủy nội địa, người kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến chỉ được bố trí phương tiện hoạt động trên những tuyến đường thủy nội địa đã được tổ chức quản lý phù hợp với vùng hoạt động ghi trong Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa; đón, trả hành khách tại các cảng thủy nội địa đã được công bố hoặc bến thủy nội địa đã được cấp Giấy phép hoạt động.

2. Phương tiện phải có hợp đồng vận tải hành khách. Nội dung hợp đồng phải có các điểm chủ yếu sau đây:

- a) Tuyến hành trình;
- b) Tên các cảng, bến phương tiện đón, trả hành khách;
- c) Thời gian và số chuyến hoạt động theo hợp đồng.

Điều 7. Vận tải hành khách ngang sông

Ngoài việc thực hiện các quy định tại Điều 79 Luật Giao thông đường thủy nội địa, tổ chức, cá nhân vận tải hành khách ngang sông chỉ được bố trí phương tiện hoạt động tại những bến thủy nội địa đã được cấp Giấy phép hoạt động vận tải hành khách ngang sông.

Chương III

VẬN TẢI THỦ TRÊN TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Điều 8. Phương tiện vận tải thủ trên tuyến

1. Trong trường hợp phương tiện có tính năng kỹ thuật mới lần đầu được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ nước ngoài có tốc độ từ 30 km/giờ trở lên trước khi đưa vào vận tải hành khách đường thủy nội địa phải tổ chức chạy khảo sát một chuyến với sự giám sát của Sở Giao thông vận tải liên quan.

2. Thời gian vận tải thủ trên tuyến thực hiện như sau:

a) 06 tháng đối với phương tiện có tính năng kỹ thuật mới lần đầu được sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu từ nước ngoài để đưa vào vận tải hành khách trên đường thủy nội địa;

b) 03 tháng đối với phương tiện vận tải hành khách trên tuyến đường thủy nội địa đã có phương tiện cùng đặc tính kỹ thuật đang khai thác.

Điều 9. Thủ tục chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chạy khảo sát gồm :

a) Đơn đề nghị chấp thuận cho phương tiện vận tải chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Ý kiến thống nhất bằng văn bản hoặc hợp đồng với tổ chức quản lý cảng, bến thủy nội địa thống nhất cho phương tiện vào đón, trả hành khách;

c) Ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Giao thông vận tải liên quan đến tuyến vận tải;

d) Các bản sao chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề vận tải hành khách đường thủy nội địa; Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa còn giá trị sử dụng và phù hợp với cấp tuyến đường mà phương tiện dự kiến đưa vào khai thác.

2. Tổ chức, cá nhân không có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải nơi tổ chức đóng trụ sở chính hoặc cá nhân đăng ký hộ khẩu thường trú. Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Giao thông vận tải xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân không có vốn đầu tư nước ngoài cho phương tiện vận tải chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Chi cục đường thủy nội địa khu vực. Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Chi cục đường thủy nội địa khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài cho phương tiện vận tải chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Đối với tổ chức, cá nhân đăng ký cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa qua biên giới.

a) Tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại Chi cục đường thủy nội địa khu vực.

Hồ sơ gồm: các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này; văn bản chấp thuận của cơ quan thẩm quyền của quốc gia mà tổ chức, cá nhân đăng ký vận tải qua biên giới chọn làm điểm đến tại nước ngoài.

b) Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Chi cục đường thủy nội địa khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

c) Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận được văn bản trình của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới. Trường hợp không chấp thuận thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

Điều 10. Thủ tục chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa

1. Sau khi hoàn thành chạy khảo sát, tổ chức, cá nhân gửi qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp hồ sơ tại cơ quan chấp thuận chạy khảo sát. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản chạy khảo sát có ý kiến thống nhất của các cơ quan, đơn vị tham gia giám sát chạy khảo sát theo quy định tại Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định:

a) Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân không có vốn đầu tư nước ngoài cho phương tiện vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa;

b) Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản chấp thuận để tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài cho phương tiện vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa.

Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

3. Đối với tổ chức, cá nhân đăng ký cho phương tiện vận tải hành khách vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa qua biên giới.

a) Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Chi cục đường thủy nội địa khu vực xem xét, nếu hồ sơ đầy đủ các giấy tờ theo quy định thì có văn bản trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới. Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Chậm nhất không quá 05 ngày làm việc sau khi tiếp nhận được văn bản trình của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới. Trường hợp không chấp thuận thì trả lại hồ sơ và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

4. Hết thời hạn vận tải thử, nếu còn những tồn tại chưa thật đảm bảo an toàn cho phương tiện hoạt động trên tuyến thì cơ quan thẩm quyền có thể gia hạn thời gian vận tải thử trên tuyến và ghi rõ tồn tại, yêu cầu cần khắc phục. Thời gian gia hạn không quá 03 tháng và tổng số thời gian vận tải thử trên tuyến không quá 12 tháng.

5. Trong hoặc sau thời hạn vận tải thử nếu cơ sở hạ tầng của tuyến hoặc phương tiện không đảm bảo đủ điều kiện an toàn thì cơ quan thẩm quyền ra văn bản yêu cầu ngừng hoạt động và thông báo cho các cơ quan, đơn vị liên quan biết.

Điều 11. Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách hoạt động chính thức trên tuyến đường thủy nội địa

1. Kết thúc thời gian vận tải thử, tổ chức, cá nhân xin chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách hoạt động chính thức trên tuyến đường thủy nội địa bổ sung báo cáo bằng văn bản (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải liên quan) vào hồ sơ đề nghị chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách hoạt động chính thức trên tuyến đường thủy nội địa.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến việc chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách hoạt động chính thức trên tuyến đường thủy nội địa thực hiện các quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

3. Trong văn bản chấp thuận vận tải hành khách chính thức trên tuyến đường thủy nội địa, cơ quan thẩm quyền ghi rõ tổ chức, cá nhân được hoạt động vận tải chính thức và thông báo với Sở Giao thông vận tải, có liên quan trên tuyến tiếp tục theo dõi, quản lý.

Chương IV VÉ HÀNH KHÁCH

Điều 12. Vé hành khách, bán vé, lập danh sách hành khách, kiểm soát vé

1. Vé hành khách là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng vận tải hành khách. Vé hành khách do người kinh doanh vận tải hành khách tự in và phát hành theo quy định tại Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Không được bán vé không đúng giá vé mà người kinh doanh vận tải hành khách đã công bố tại các nơi bán vé. Giá vé khi công bố mới hoặc thay đổi phải công bố công khai tại các cảng, bến đón, trả hành khách 03 ngày liên tục và 15 ngày sau mới được thực hiện. Việc thay đổi giá vé hành khách thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có thể tự tổ chức bán vé hoặc uỷ thác cho người quản lý cảng, bến thủy nội địa hoặc người khác bán vé.

4. Thông báo công khai thời gian bán vé, thời gian đóng cửa bán vé tại nơi bán vé và phòng chờ của hành khách. Đối với vận tải hành khách theo tuyến cố định, thời gian đóng cửa bán vé tối thiểu là 15 phút trước khi phương tiện xuất bến.

5. Số lượng vé bán ra của mỗi chuyến vận tải không được vượt quá số lượng hành khách mà cơ quan đăng kiểm quy định cho phương tiện.

6. Đối với vận tải hành khách theo tuyến cố định hoặc theo hợp đồng chuyến, người vận tải phải lập danh sách hành khách tối thiểu thành 02 bản; 01 bản giao cho Thuyền trưởng, 01 bản lưu tại cảng, bến thủy nội địa. Thuyền trưởng có trách nhiệm bổ sung vào danh sách hành khách khi có hành khách xuống phương tiện tại các bến thủy nội địa trên tuyến vận tải. Danh sách hành khách phải bao gồm các trường hợp được miễn vé.

7. Kiểm soát vé khi hành khách xuống phương tiện; không cho hành khách xuống phương tiện quá số lượng quy định; giải quyết kịp thời các trường hợp nhầm lẫn vé hành khách.

Điều 13. Miễn, giảm giá vé hành khách

1. Trẻ em từ 05 tuổi trở xuống được miễn vé nhưng phải ngồi chung với hành khách đi kèm.

2. Trẻ em từ trên 05 tuổi đến 10 tuổi được giảm 50% giá vé nhưng 02 trẻ em trong đối tượng này phải ngồi chung một ghế.

Điều 14. Các đối tượng được ưu tiên bán vé theo thứ tự sau đây

1. Di chuyển bệnh nhân theo yêu cầu của cơ quan y tế.

2. Thương binh, bệnh binh hạng 1 và hạng 2.

3. Người trên 65 tuổi, người khuyết tật.

4. Người đi cùng trẻ em dưới 24 tháng tuổi.

5. Phụ nữ có thai.

Điều 15. Xử lý vé hành khách

1. Hành khách đi quá cảng, bến thủy nội địa ghi trong vé thì phải mua vé bổ sung quãng đường đi thêm.

2. Hành khách có nhu cầu lên tại cảng, bến gần hơn cảng, bến thủy nội địa đến đã ghi trong vé thì không được hoàn lại tiền vé đoạn đường không đi.

3. Hành khách trả lại vé ít nhất 01 giờ trước thời gian phương tiện xuất bến được hoàn lại 90% giá vé.

4. Hành khách có vé nhưng đến chậm sau khi phương tiện đã xuất bến theo lịch chạy tầu đã công bố mà không thông báo cho người kinh doanh vận tải hoặc người bán vé biết thì thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Hành khách muốn đi chuyến kế tiếp thì người kinh doanh vận tải có trách nhiệm bố trí cho hành khách đi chuyến tiếp và được thu thêm 50% tiền vé;

b) Hành khách không muốn đi tiếp thì không được hoàn lại tiền vé.

5. Hành khách có vé nhưng đã thông báo cho người kinh doanh vận tải hoặc người bán vé (bằng điện thoại, điện tín, Fax hoặc Email) 02 giờ trước thời gian phương tiện xuất bến theo lịch chạy tàu đã công bố thì giải quyết theo các quy định sau đây:

- a) Hành khách muốn đi chuyến kế tiếp thì người kinh doanh vận tải có trách nhiệm bố trí cho hành khách đi chuyến tiếp và được thu thêm 20% giá vé;
- b) Hành khách không muốn đi tiếp, nếu trả lại vé thì được hoàn lại 80% giá vé.

Chương V

VẬN TẢI VÀ BẢO QUẢN HÀNH LÝ KÝ GỬI, BAO GỬI

Điều 16. Hành lý

1. Mỗi hành khách được miễn tiền cước 20 kg hành lý; đối với hành khách theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư này được miễn tiền cước 10 kg hành lý.

2. Điều kiện của hành lý ký gửi, bao gửi:

a) Có kích thước chiều dài x chiều rộng x chiều cao không quá 1,2 mét x 0,7 mét x 0,7 mét; trọng lượng không quá 20 kg đối với hành lý xách tay và 50 kg đối với mỗi bao, kiện hành lý ký gửi;

b) Phải trả tiền cước vận tải;

c) Ngoài các điều kiện quy định tại các điểm a, điểm b nêu trên, hành lý ký gửi còn phải có các điều kiện sau đây: hành khách có vé đến bến nào thì hành lý ký gửi được nhận gửi đến bến đó; hành lý ký gửi phải đi cùng trên phương tiện với người gửi kể cả trường hợp phải chuyển sang một phương tiện khác trong quá trình vận tải.

3. Không được để trong khoang hành khách những hành lý, bao gửi sau đây:

a) Hải cốt;

b) Súc vật có trọng lượng từ 40 kg/con trở lên;

c) Hàng hóa có mùi hôi, thối;

d) Hàng công kênh, cản trở lối đi trên phương tiện.

Điều 17. Nhận và bảo quản hành lý ký gửi, bao gửi

1. Hành khách có hành lý ký gửi quá mức quy định được miễn cước thì phải trả tiền cước và giao cho người kinh doanh vận tải trước khi phương tiện khởi hành.

2. Người có bao gửi phải lập tờ khai gửi hàng hoá, ghi rõ : loại hàng hoá, số lượng, trọng lượng, giá trị; tên, địa chỉ người gửi, người nhận hàng hoá. Tờ khai gửi hàng hoá được lập ít nhất 02 bản, 01 bản cho người nhận hàng hoá và 01 bản cho người kinh doanh vận tải, trường hợp cần thiết có thể lập thêm.

3. Người gửi hàng hoá phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hoá đóng trong hành lý ký gửi, bao gửi và gửi bản sao các giấy tờ có giá trị pháp lý cho người kinh doanh vận tải.

4. Người kinh doanh vận tải có trách nhiệm kiểm tra bao bì, số lượng, ký mã hiệu hàng hoá và xác nhận vào tờ khai gửi hàng hoá; tùy theo khả năng phương tiện, kho bãi để quyết định nhận hành lý ký gửi, bao gửi trên các tuyến vận tải.

Điều 18. Giao trả hành lý ký gửi, bao gửi

1. Hành khách có hành lý ký gửi khi nhận lại hành lý phải xuất trình vé, chứng từ thu cước.

2. Người nhận bao gửi khi nhận lại bao gửi phải xuất trình chứng từ thu cước; tờ khai gửi hàng hoá và giấy tờ tùy thân. Nếu người khác nhận phải có giấy uỷ quyền theo quy định pháp luật. Trường hợp người nhận bao gửi đến nhận quá thời hạn mà hai bên thoả thuận thì phải trả phí lưu kho, bãi.

3. Người nhận hành lý ký gửi, bao gửi phải kiểm tra lại hành lý ký gửi, bao gửi tại nơi nhận; sau khi nhận xong, người kinh doanh vận tải không chịu trách nhiệm về sự mất mát hoặc hư hỏng của hành lý, bao gửi đó.

Chương VI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, BỒI THƯỜNG

Điều 19. Trường hợp do lỗi của người vận tải

1. Trường hợp phương tiện không xuất bến đúng thời gian quy định, hành khách phải chờ đợi qua đêm thì người kinh doanh vận tải phải bố trí nơi ăn, nghỉ cho hành khách và chịu chi phí; nếu hành khách không tiếp tục đi, trả lại vé thì người kinh doanh vận tải phải hoàn lại tiền vé, tiền cước cho hành khách.

2. Trường hợp phương tiện đang hành trình nếu bị hỏng, không tiếp tục hành trình được, Thuyền trưởng phải tìm mọi biện pháp đưa hành khách tới bến gần nhất bảo đảm an toàn, thông báo cho người kinh doanh vận tải biết và thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Nếu hành khách phải chờ đợi qua đêm thì người kinh doanh vận tải phải bố trí nơi ăn, nghỉ cho hành khách và chịu mọi chi phí;

b) Nếu hành khách không muốn chờ đợi để đi tiếp thì người kinh doanh vận tải phải trả lại tiền vé, tiền cước tương ứng với đoạn đường còn lại cho hành khách;

c) Nếu người kinh doanh vận tải bố trí được phương tiện khác nhưng phải quay trở lại bến xuất phát thì người kinh doanh vận tải phải hoàn lại toàn bộ tiền vé, tiền cước cho hành khách.

Điều 20. Trường hợp bất khả kháng

1. Khi phương tiện chưa xuất bến, người kinh doanh vận tải phải thông báo ngay cho hành khách việc tạm dừng chuyến đi; trường hợp hủy bỏ chuyến đi thì người kinh doanh vận tải phải hoàn lại toàn bộ tiền vé, tiền cước cho hành khách.

2. Khi phương tiện đang hành trình:

a) Trường hợp phương tiện phải đi trên tuyến khác dài hơn thì người kinh doanh vận tải không được thu thêm tiền vé, tiền cước của hành khách;

b) Trường hợp phải chuyển tải hành khách, hành lý, bao gửi thì người kinh doanh vận tải thực hiện việc chuyển tải và chịu chi phí;

c) Trường hợp không thể hành trình tiếp được, phương tiện phải quay về bến gần nhất hoặc bến xuất phát thì hành khách không phải trả thêm tiền vé, tiền cước đoạn đường quay về; người kinh doanh vận tải phải hoàn lại tiền vé, tiền cước tương ứng với đoạn đường chưa đi cho hành khách.

Điều 21. Hành khách rơi xuống nước, chết hoặc ốm trên phương tiện đang hành trình

1. Trường hợp hành khách rơi xuống nước, Thuyền trưởng phải huy động lực lượng nhanh chóng cứu hành khách. Nếu đã làm hết khả năng mà không cứu được thì Thuyền trưởng phải lập biên bản có xác nhận của thân nhân nạn nhân (nếu có), của đại diện hành khách và thông báo cho chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn; nếu không có thân nhân đi cùng thì Thuyền trưởng phải thông báo cho gia đình hoặc đơn vị của nạn nhân biết để cùng phối hợp giải quyết.

2. Trường hợp hành khách chết, Thuyền trưởng phải lập biên bản có xác nhận của thân nhân nạn nhân (nếu có), đại diện hành khách và tổ chức đưa người bị nạn cùng hành lý của người đó lên bến gần nhất, cử người trông coi; thông báo với chính quyền địa phương, gia đình hoặc đơn vị của nạn nhân biết để cùng phối hợp giải quyết; hành lý của nạn nhân phải được kiểm kê và đưa vào nơi bảo quản.

3. Trường hợp hành khách ốm nặng, Thuyền trưởng tổ chức sơ cứu; nếu đe dọa đến tính mạng hành khách, Thuyền trưởng phải tổ chức đưa hành khách đó lên cảng, bến gần nhất và cử người đưa đến nơi điều trị, trừ trường hợp hành khách có thân nhân đi cùng.

Điều 22. Hành lý ký gửi trong quá trình vận tải

1. Trường hợp phát hiện hành lý ký gửi có hiện tượng tự bốc cháy, rò rỉ hoặc đổ vỡ thì người vận tải phải thông báo và cùng hành khách có hành lý đó thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn để bảo vệ người, hàng hoá và phương tiện. Khi thực hiện các biện pháp ngăn chặn nếu phát sinh tổn thất phải lập biên bản có xác nhận của người có hành lý đó, đại diện hành khách. Các chi phí phát sinh do bên có lỗi chịu trách nhiệm. Nếu cả hai bên đều không có lỗi thì chi phí và thiệt hại phát sinh thuộc bên nào thì bên đó tự chịu trách nhiệm.

2. Trường hợp bất khả kháng, nếu không đảm bảo an toàn, người kinh doanh vận tải có quyền dỡ một phần hoặc toàn bộ hành lý ra khỏi phương tiện; người có hành lý phải tự bảo quản; mọi chi phí và tổn thất thuộc bên nào thì bên đó tự chịu trách nhiệm.

3. Trường hợp phương tiện vận tải bị trưng dụng do lệnh của cơ quan có thẩm quyền thì Thuyền trưởng thông báo cho người kinh doanh vận tải, hành khách biết. Thuyền viên cùng cơ quan trưng dụng phải tổ chức đưa hành khách, hành lý lên bờ. Cơ quan trưng dụng tổ chức đưa hành khách, hành lý, bao gửi đi tiếp.

4. Trường hợp luồng chạy tàu thuyền vận tải bị ách tắc, người kinh doanh vận tải phải thông báo và cùng hành khách thực hiện các biện pháp giải quyết sau đây:

a) Nếu xét thấy phải chờ đợi lâu, ảnh hưởng tới chuyển đi và sức khoẻ hành khách thì người vận tải phải đưa phương tiện đến bến gần nhất, tổ chức đưa hành khách, hành lý lên bờ; giúp hành khách đi tiếp bằng phương tiện khác. Người kinh doanh vận tải chỉ được thu tiền vé và cước quãng đường thực tế phương tiện đã đi;

b) Trường hợp phải quay lại cảng, bến xuất phát thì người kinh doanh vận tải chỉ được thu tiền vé và cước đoạn đường đã đi (không tính lượt về);

c) Trường hợp phải chuyển tải hành khách, hành lý qua chỗ ách tắc thì người kinh doanh vận tải thực hiện việc chuyển tải và chịu chi phí;

d) Trường hợp phương tiện chờ đợi đến khi thông luồng thì người kinh doanh vận tải phải thông báo cho hành khách biết; nếu hành khách có yêu cầu dời phương tiện thì thuyền viên phải tạo điều kiện đưa hành khách lên bờ.

Điều 23. Đối với bao gửi

Trường hợp có phát sinh đối với bao gửi trong quá trình vận tải thì thực hiện theo quy định về vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa.

Điều 24. Bồi thường hành lý ký gửi, bao gửi bị mất mát hư hỏng

1. Trường hợp hành lý ký gửi, bao gửi hư hỏng, thiếu hụt hoặc mất mát do lỗi của người kinh doanh vận tải thì phải bồi thường theo các quy định sau đây:

a) Theo giá trị đã kê khai đối với hành lý ký gửi, bao gửi có kê khai giá trị; trường hợp người kinh doanh vận tải chứng minh được giá trị thiệt hại thực tế thấp hơn giá trị kê khai thì theo giá trị thiệt hại thực tế;

b) Theo mức do hai bên thoả thuận;

c) Theo giá trị trên hoá đơn mua hàng;

d) Theo giá thị trường của hàng hoá đó tại thời điểm trả tiền và địa điểm trả hàng; trong trường hợp không có giá thị trường của hàng hoá đó thì theo giá trung bình của hàng hoá cùng loại, cùng chất lượng trong khu vực nơi trả hàng;

đ) Trường hợp không giải quyết được theo quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này thì theo quy định sau đây: đối với hành lý ký gửi: mức bồi thường không vượt quá 20.000 (hai mươi nghìn) đồng, tiền Việt Nam cho 01 kg hành lý ký gửi tổn thất; đối với bao gửi: mức bồi thường không vượt quá 20.000 (hai mươi nghìn) đồng, tiền Việt Nam cho 01 kg bao gửi tổn thất; 7.000.000 (bảy triệu) đồng, tiền Việt Nam đối với mỗi bao hoặc kiện tổn thất.

2. Hành lý ký gửi, bao gửi bị hư hỏng, thiếu hụt, mất mát một phần thì bồi thường phần hư hỏng, thiếu hụt hoặc mất mát; trường hợp phần hư hỏng, thiếu hụt, mất mát dẫn đến hư hỏng hoặc không sử dụng được toàn bộ thì phải bồi thường toàn bộ; người vận tải được quyền sở hữu số hàng hoá tổn thất đã bồi thường.

3. Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo các quy định tại khoản 1 Điều này, người kinh doanh vận tải còn phải hoàn lại cho hành khách hoặc người gửi hàng toàn bộ tiền cước hoặc phụ phí của số hành lý ký gửi, bao gửi bị tổn thất.

Điều 25. Giải quyết tranh chấp

1. Trong quá trình vận tải hành khách đường thủy nội địa nếu có phát sinh ảnh hưởng đến lợi ích của các bên thì phải lập biên bản hiện trường; nội dung biên bản phải xác định rõ thời gian, địa điểm, hậu quả, nguyên nhân khách quan, chủ quan, kết quả giải quyết có xác nhận của đại diện hành khách. Biên bản lập xong phải được gửi cho các bên có liên quan.

2. Trường hợp không thoả thuận được, các bên có quyền yêu cầu Trọng tài kinh tế hoặc khởi kiện tại Tòa án kinh tế xét xử theo quy định pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Thẩm quyền chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam: chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định và chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát, chạy thử trên tuyến đường thủy nội địa đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài vận tải hành khách đường thủy nội địa qua biên giới.

2. Chi cục đường thủy nội địa khu vực: chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định và chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát, chạy thử trên tuyến đường thủy nội địa đối với tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định không qua biên giới.

3. Sở Giao thông vận tải: chấp thuận vận tải hành khách theo tuyến cố định và chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát, chạy thử trên tuyến đường thủy nội địa đối với tổ chức, cá nhân không có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 34/2004/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này 05 Mẫu sau đây:

- a) Mẫu số 1: Bản đăng ký hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định;
- b) Mẫu số 2: Đơn đề nghị chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa;
- c) Mẫu số 3: Biên bản chạy khảo sát;
- d) Mẫu số 4: Đơn đề nghị chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa;
- đ) Mẫu số 5: Vé tàu khách đường thủy nội địa.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 28;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, VTài.

BỘ TRƯỞNG



Hồ Nghĩa Dũng

Mẫu số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20./2011/TT-BGTVT ngày 1/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

BẢN ĐĂNG KÝ

Hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa theo tuyến cố định

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) :
- Địa chỉ giao dịch:
- Số điện thoại:; Fax/email :
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:ngày.....
- Cơ quan cấp:

**Đăng ký hoạt động vận tải hành khách đường thủy nội địa
theo tuyến cố định với các nội dung sau:**

1. Các tuyến hoạt động:

- Tuyến 1: từ.....đến.....
(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Số lượng phương tiện hoạt động trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: Phương tiện 1 (tên phương tiện, số đăng ký)....., trọng tải :.....(ghế)
(Các phương tiện khác ghi tương tự)

3. Lịch chạy tàu trên mỗi tuyến vận tải:

- Tuyến 1: + Có..... chuyến/ngày (tuần); xuất phát tại:
- vào các giờ (hoặc vào ngày nào trong tuần):
- + Các cảng, bến đón, trả hành khách trên tuyến:
- (Các tuyến khác ghi tương tự)

4. Giá vé hành khách trên mỗi tuyến vận tải:

5. Thời hạn hoạt động:

6. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Đại diện doanh nghiệp
(hộ hoặc cá nhân kinh
doanh)**

*Ký, ghi rõ họ, tên
và đóng dấu (nếu có)*

Mẫu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2011/TT-BGTVT ngày 3/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát
trên tuyến đường thủy nội địa**

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh):
- Địa chỉ giao dịch:.....
- Số điện thoại:; Fax/email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:ngày.....
- Cơ quan cấp:

**Đề nghị được chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách
chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa với các nội dung sau:**

1. Các tuyến chạy khảo sát:

- Tuyến 1 : từ..... đến.....
(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Phương tiện:

- Tên phương tiện, số đăng ký:....., trọng tải :.....(ghế)
- Đặc điểm:

3. Các cảng, bến đón, trả hành khách

- Tuyến 1 đón trả hành khách tại các cảng, bến
- Tuyến 2

4. Thời gian chạy khảo sát:

- Tuyến 1
- Tuyến 2

5. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Đại diện doanh nghiệp
(hộ hoặc cá nhân kinh
doanh)**

*Ký, ghi rõ họ, tên
và đóng dấu (nếu có)*

Mẫu số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN CHẠY KHẢO SÁT

Căn cứ Thông tư số/ 2011/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách đường thủy nội địa;

Căn cứ văn bản số/ ngàythángnăm của về việc chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách chạy khảo sát trên tuyến đường thủy nội địa.

Hôm nay ngày tháng năm tại, chúng tôi gồm:

1. Đại diện cơ quan có thẩm quyền chấp thuận

2. Đại diện các Sở Giao thông vận tải liên quan

3. Đại diện các đơn vị quản lý đường thủy nội địa mà phương tiện chạy khảo sát qua

4. Đại diện các Cảng vụ ĐTNĐ hoặc Ban quản lý bến nơi cảng, bến đón trả hành khách

5. Đại diện tổ chức, cá nhân có phương tiện chạy khảo sát

Cùng tiến hành giám sát việc tổ chức cho phương tiện (tên phương tiện, số đăng ký).....chạy khảo sát, kết quả như sau:

I/ Khảo sát tuyến:

- Về báo hiệu đường thủy nội địa:.....
- Các cảng, bến đón trả hành khách hợp pháp hay không hợp pháp không?

II/ Về phương tiện

- Phương tiện có phù hợp với tuyến đường thủy nội địa không?
- Điều kiện về người, phương tiện hoạt động có đảm bảo an toàn không?

Kết luận của Đoàn khảo sát

(Các thành viên tham gia giám sát phương tiện chạy khảo sát ký và ghi rõ họ tên vào biên bản chạy khảo sát.)

Mẫu số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách
vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa**

Kính gửi:

- Tên doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh):
- Địa chỉ giao dịch:
- Số điện thoại:; Fax/email:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:ngày.....
- Cơ quan cấp:

Đề nghị được chấp thuận cho phương tiện vận tải hành khách vận tải thử trên tuyến đường thủy nội địa với các nội dung sau:

1. Các tuyến vận tải thử:

- Tuyến 1: từ..... đến.....
(Các tuyến khác ghi tương tự)

2. Phương tiện:

- Tên phương tiện, số đăng ký:....., trọng tải :.....(ghê)
- Đặc điểm:

3. Các cảng, bến đón, trả hành khách

- Tuyến 1 đón trả hành khách tại các cảng, bến
- Tuyến 2

4. Thời gian vận tải thử:

- Tuyến 1
- Tuyến 2

5. Cam kết: Doanh nghiệp (hộ hoặc cá nhân kinh doanh) cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường thủy nội địa và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Đại diện doanh nghiệp
(hộ hoặc cá nhân kinh
doanh)**

*Ký, ghi rõ họ, tên
và đóng dấu (nếu có)*

Mẫu số 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 31/3/2011
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên người kinh doanh vận tải hành khách MST : Mẫu số:..... N°	Tên người kinh doanh vận tải hành khách MST : Mẫu số:..... N°	Lô gô (Nếu có) Ký hiệu :..... N°	Tên người kinh doanh vận tải hành khách Địa chỉ : MST : Mẫu số : 06 Ban hành theo Thông tư số: TT/2011/BGTVT-VT ngày/...../..... của Bộ trưởng Bộ GTVT Vé tàu khách ĐTNĐ (Có bảo hiểm) Tên cảng (bến) đi : - đến..... Giá :đồng/người/lượt. (Đã có thuế GTGT) Tên tàu : Số ghế : Họ, tên hành khách : Giờ tàu chạy : ngày ... tháng ... năm Quá giờ tàu chạy vé không còn giá trị.
Vé tàu khách ĐTNĐ Tuyến: Giá:đ/ng/l	Vé tàu khách ĐTNĐ Tuyến: Giá:đ/ng/l		

Ghi chú:

* Kích thước vé tùy người kinh doanh vận tải hành khách lựa chọn cho phù hợp nhưng phải chia thành ba phần: phần giữ lại nơi bán vé, phần giữ lại nơi kiểm soát, phần trao cho hành khách và đầy đủ các nội dung như trong mẫu nêu trên.

* Nền của vé có thể để trắng trơn hoặc có hoa văn hoặc có hình ảnh quảng cáo nhưng không được che mờ các nội dung cơ bản in trên vé.

* Giá vé có thể in trực tiếp, có thể để trống và đóng dấu cho phù hợp khi thay đổi. Giá vé vận tải hành khách qua biên giới có thể ghi theo tiền ngoại tệ thay cho tiền "đồng".